

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025 – **LẦN 1**

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Nguyên lý kế toán			
Mã học phần:	71ACCT20023	Số tín chỉ:	3	
Mã nhóm lớp học phần:	242_71ACCT20023_03,04,05,06,07,08,09,10,11			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút	
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☒ Sinh viên được sử dụng tài liệu giấy	☐ Không		

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO
(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1, 2, 3, 4, 5,6,7, 8	3	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm + Tự luận	30% 10%	Câu 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Câu tự luận	3 1	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI7.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (6.0 điểm) bao gồm 15 câu, mỗi câu 0.4 điểm

Câu 1 (random 1 trong 3 câu)

Câu 1a-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần TÀI SẢN trên phương trình kế toán?

- A. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác
- B. Chuyển khoản trả nợ cho nhà cung cấp
- C. Nhận được tiền góp vốn của chủ sở hữu bằng chuyển khoản
- D. Chuyển khoản thanh toán tiền lương tháng này cho nhân viên bán hàng

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây không ảnh hưởng đến phần TÀI SẢN trên phương trình kế toán?

- A. Vay ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp
- B. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác
- C. Chuyển khoản trả nợ cho nhà cung cấp
- D. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp

ANSWER: A

Câu 1c-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ kinh tế nào sau đây chỉ ảnh hưởng đến phần NGUỒN VỐN trên phương trình kế toán?

- A. Nhận được thông báo tiền điện tháng này tại phân xưởng nhưng chưa thanh toán
- B. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác
- C. Bán lô hàng hóa cho khách hàng, chưa thu tiền
- D. Mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 3 câu)

Câu 2a-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- B. Ghi số âm bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số âm bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Chi phí trả trước” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số dương bên phần tài sản
- B. Ghi số dương bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số âm bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 2c-CLO1-[lần 1]

Số dư cuối kỳ của tài khoản “Hao mòn tài sản cố định” được trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc nào?

- A. Ghi số âm bên phần tài sản
- B. Ghi số âm bên phần nguồn vốn
- C. Ghi số dương bên phần tài sản
- D. Không trình bày trên Bảng cân đối kế toán

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 3 câu)

Câu 3a-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Vay ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho người bán, biết lô hàng này đã nhập kho từ kỳ trước và có giá thanh toán 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng 100.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 100.000.000 đồng
- D. Tổng tài sản tăng 100.000.000 đồng và tổng nguồn vốn giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Vay ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho người bán, biết lô hàng trên đã nhập kho từ kỳ trước và có giá thanh toán 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Một khoản nợ phải trả tăng 100.000.000 đồng và một khoản nợ phải trả khác giảm 100.000.000 đồng
- B. Một khoản nợ phải trả tăng 100.000.000 đồng và một tài sản tăng 100.000.000 đồng
- C. Một khoản nợ phải trả giảm 100.000.000 đồng và một tài sản tăng 100.000.000 đồng
- D. Một khoản nợ phải trả giảm 100.000.000 đồng và một tài sản giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3c-CLO1-[lần 1]

Nghiệp vụ “Chuyển khoản để thanh toán tiền hàng cho người bán, biết lô hàng trên đã nhập kho từ kỳ trước và có giá thanh toán 100.000.000 đồng” sẽ làm cho:

- A. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng giảm 100.000.000 đồng
- B. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn cùng tăng 100.000.000 đồng
- C. Tổng tài sản và tổng nguồn vốn không đổi
- D. Tổng tài sản tăng 100.000.000 đồng và tổng nguồn vốn giảm 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 3 câu)

Câu 4a-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 750.000.000 đồng, tổng Vốn chủ sở hữu chiếm 2/3 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản giảm 150.000.000 đồng và nợ phải trả giảm 40.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 390.000.000 đồng
- B. 220.000.000 đồng
- C. 630.000.000 đồng
- D. 380.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 1.500.000.000 đồng, tổng nợ phải trả chiếm 1/3 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản tăng 300.000.000 đồng và vốn chủ sở hữu tăng 80.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 1.080.000.000 đồng
- B. 880.000.000 đồng
- C. 480.000.000 đồng
- D. 800.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 4c-CLO1-[lần 1]

Đầu kỳ, tổng tài sản của công ty ABC là 1.600.000.000 đồng, tổng vốn chủ sở hữu bằng 1/2 tổng nguồn vốn. Trong kỳ, tổng tài sản tăng 600.000.000 đồng và nợ phải trả giảm 200.000.000 đồng. Hỏi tổng vốn chủ sở hữu cuối kỳ là bao nhiêu?

- A. 1.600.000.000 đồng
- B. 760.000.000 đồng
- C. 1.160.000.000 đồng
- D. 360.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 3 câu)

Câu 5a-CLO1-[lần 1]

Khoản tiền lãi doanh nghiệp phải thanh toán định kỳ cho một hợp đồng vay ngân hàng ACB để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí tài chính

- B. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- C. Chi phí bán hàng
- D. Vay và nợ thuê tài chính

ANSWER: A

Câu 5b-CLO1-[lần 1]

Khoản tiền lãi doanh nghiệp được nhận hàng tháng từ một khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn ở ngân hàng ACB được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Doanh thu hoạt động tài chính
- B. Tiền gửi ngân hàng
- C. Thu nhập khác
- D. Tiền gửi có kỳ hạn

ANSWER: A

Câu 5c-CLO1-[lần 1]

Khoản tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng do khách hàng thanh toán trước thời hạn được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Chi phí tài chính
- B. Doanh thu hoạt động tài chính
- C. Các khoản giảm trừ doanh thu
- D. Chi phí bán hàng

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 3 câu)

Câu 6a-CLO2-[lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Hao mòn tài sản cố định” là:

- A. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- B. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ

- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2- [lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Hàng hóa” là:

- A. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ
- B. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ

ANSWER: A

Câu 6c-CLO2-[lần 1]

Nguyên tắc ghi sổ của tài khoản “Chi phí khác” là:

- A. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, không có số dư cuối kỳ
- B. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, số dư cuối kỳ nằm bên Có
- C. Tăng ghi bên Có, giảm ghi bên Nợ, không có số dư cuối kỳ
- D. Tăng ghi bên Nợ, giảm ghi bên Có, số dư cuối kỳ nằm bên Nợ

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 3 câu)

Câu 7a-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 242/Có TK 331”?

- A. Mua chịu một số công cụ dụng cụ loại phân bổ 6 kỳ về sử dụng ngay tại văn phòng công ty
- B. Mua chịu một số công cụ dụng cụ loại sử dụng một lần dùng ngay tại văn phòng công ty
- C. Mua chịu một tài sản cố định sử dụng ngay tại văn phòng công ty
- D. Thanh toán trước chi phí thuê văn phòng công ty trong nhiều kỳ cho người bán bằng chuyển khoản

ANSWER: A

Câu 7b-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 642/Có TK 331”?

- A. Mua chịu một số công cụ dụng cụ loại sử dụng một lần dùng ngay tại văn phòng công ty
- B. Mua chịu một số công cụ dụng cụ loại phân bổ 3 kỳ sử dụng ngay tại văn phòng công ty
- C. Mua chịu một tài sản cố định sử dụng ngay tại văn phòng công ty
- D. Thanh toán chi phí thuê văn phòng công ty tháng này cho người bán bằng chuyển khoản

ANSWER: A

Câu 7c-CLO2-[lần 1]

Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 242/Có TK 112”?

- A. Thanh toán trước chi phí thuê văn phòng công ty trong nhiều kỳ kế toán bằng chuyển khoản
- B. Chuyển khoản mua một tài sản cố định sử dụng ngay tại văn phòng công ty
- C. Chuyển khoản mua nhập kho một lô công cụ dụng cụ loại phân bổ nhiều kỳ
- D. Chuyển khoản mua nhập kho một lô công cụ dụng cụ loại sử dụng một lần

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 3 câu)

Câu 8a-CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Nhận được chuyển khoản từ khách hàng thanh toán gói dịch vụ vệ sinh doanh nghiệp đã hoàn thành từ tháng trước” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 131
- B. Nợ TK 112/Có TK 511
- C. Nợ TK 112/Có TK 711
- D. Nợ TK 331/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 8b- CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Hoàn thành dịch vụ vệ sinh tháng này cho khách hàng thu ngay bằng chuyển khoản” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 112/Có TK 511

B. Nợ TK 112/Có TK 515

C. Nợ TK 112/Có TK 711

D. Nợ TK 112/Có TK 131

ANSWER: A

Câu 8c- CLO1, CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Nhận được thông báo tiền gửi ngân hàng tăng lên do ngân hàng ACB chuyển trả tiền lãi của khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ này” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 112/Có TK 515

B. Nợ TK 112/Có TK 511

C. Nợ TK 112/Có TK 3387

D. Nợ TK 112/Có TK 711

ANSWER: A

Câu 9 (random 1 trong 3 câu)

Câu 9a-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua chịu một hệ thống làm lạnh có thời gian sử dụng ước tính 5 năm dùng ngay tại cửa hàng, trị giá 200.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 211 200.000.000

Có TK 331 200.000.000

B. Nợ TK 242 200.000.000

Có TK 331 200.000.000

C. Nợ TK 641 200.000.000

Có TK 331 200.000.000

D. Nợ TK 153 200.000.000

Có TK 331 200.000.000

ANSWER: A

Câu 9b-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua chịu một máy in có thời gian phân bổ hợp lý 24 tháng dùng ngay tại cửa hàng, trị giá 24.000.000 đồng” được ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 242 24.000.000

Có TK 331	24.000.000
-----------	------------

B. Nợ TK 211 24.000.000

Có TK 331 24.000.000

C. Nợ TK 641 24.000.000

Có TK 331 24.000.000

D. Nợ TK 153 24.000.000

Có TK 331	24.000.000
-----------	------------

ANSWER: A

Câu 9c-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Mua một bộ bàn ghế nhập kho trị giá 24.000.000 đồng chưa thanh toán, thuộc loại công cụ dụng cụ sẽ phân bổ 24 tháng” được ghi sổ nhât ký:

A. Nø TK 153 24.000.000

Có TK 331	24.000.000
-----------	------------

B. Nợ TK 211 24.000.000

Có TK 331 24.000.000

C. № TK 641 24.000.000

Có TK 331 24.000.000

D. Nợ TK 242 24.000.000

Có TK 331 24.000.000

ANSWER: A

Câu 10 (random 1 trong 3 câu)

Câu 10a-CLO1- [lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 800.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, các bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

(1)	No TK 152	120.000.000
-----	-----------	-------------

Có TK 112	120.000.000
------------------	--------------------

(2)	Nợ TK 211	300.000.000
	Có TK 331	300.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh 2 nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A. 1.100.000.000 đồng
- B. 1.220.000.000 đồng
- C. 750.000.000 đồng
- D. 950.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10b-CLO1-[lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 1.500.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, các bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

(1)	Nợ TK 641	10.000.000
	Có TK 112	10.000.000
(2)	Nợ TK 211	100.000.000
	Có TK 331	100.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh 2 nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A. 1.590.000.000 đồng
- B. 1.500.000.000 đồng
- C. 1.600.000.000 đồng
- D. 1.610.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10c-CLO2- [lần 1]

Ngày 31/01/N, công ty ABC có tổng tài sản là 800.000.000 đồng. Trong ngày 01/02, các bút toán nhật ký được ghi nhận tại công ty (ĐVT: đồng):

(1)	Nợ TK 341	10.000.000
	Có TK 112	10.000.000
(2)	Nợ TK 211	150.000.000
	Có TK 331	150.000.000

Vậy số dư vào cuối ngày 01/02/N (sau khi phát sinh 2 nghiệp vụ trên) của tổng tài sản và tổng nguồn vốn bằng:

- A. 940.000.000 đồng
- B. 960.000.000 đồng
- C. 790.000.000 đồng
- D. 650.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 11 (random 1 trong 3 câu)

Câu 11a-CLO2-[lần 1]

Ngày 1/10/N, công ty ABC xuất kho một cái máy in trị giá 24.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty ABC áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 242 4.000.000
- B. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 242 24.000.000
- C. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 153 4.000.000
- D. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 153 24.000.000

ANSWER: A

Câu 11b-CLO2-[lần 1]

Ngày 1/10/N, công ty ABC xuất kho một cái máy in trị giá 24.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty ABC áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

- A. Nợ TK 642 12.000.000
 Có TK 242 12.000.000
- B. Nợ TK 642 24.000.000
 Có TK 242 24.000.000
- C. Nợ TK 642 12.000.000

	Có TK 153	12.000.000
D.	Nợ TK 642	24.000.000
	Có TK 153	24.000.000

ANSWER: A

Câu 11c-CLO2-[lần 1]

Ngày 1/9/N, công ty ABC xuất kho một cái máy in trị giá 24.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty ABC áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/N là:

A.	Nợ TK 642	16.000.000
	Có TK 242	16.000.000
B.	Nợ TK 642	24.000.000
	Có TK 242	24.000.000
C.	Nợ TK 642	16.000.000
	Có TK 153	16.000.000
D.	Nợ TK 642	24.000.000
	Có TK 153	24.000.000

ANSWER: A

Câu 12 (random 1 trong 3 câu)

Câu 12a-CLO2-[lần 1]

Ngày 1/11/N, Công ty ABC mua một thiết bị bán hàng có nguyên giá 120.000.000 đồng, thời gian sử dụng ước tính 5 năm bắt đầu từ ngày 1/11/N. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán tháng, bút toán điều chỉnh để ghi nhận chi phí khấu hao tại ngày 31/12/N là:

A.	Nợ TK 641	2.000.000
	Có TK 214	2.000.000
B.	Nợ TK 641	4.000.000
	Có TK 242	4.000.000
C.	Nợ TK 641	24.000.000
	Có TK 214	24.000.000

Có TK 242	120.000.000
-----------	-------------

D. No	TK 641	120.000.000
--------------	---------------	--------------------

Có TK 242

120.000.000

ANSWER: A

Câu 13 (random 1 trong 3 câu)

Câu 13a-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.100.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 535.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.150.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán 40.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 320.000.000 đồng**
- + **Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 15.000.000 đồng**
- + **Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 50.000.000 đồng**
- + **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Có TK 911: 2.155.000.000**
- B. Bên Có TK 911: 2.257.000.000**
- C. Bên Có TK 911: 2.117.000.000**
- D. Bên Có TK 911: 2.267.000.000**

ANSWER: A

Câu 13b-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.100.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 515.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.250.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán 40.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 320.000.000 đồng**
- + **Lãi vay phải trả: 15.000.000 đồng**
- + **Chi bồi thường cho khách hàng vi phạm hợp đồng: 50.000.000 đồng**
- + **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ các tài khoản chi phí sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 911: 2.150.000.000
- B. Bên Nợ TK 911: 2.255.000.000
- C. Bên Nợ TK 911: 2.100.000.000
- D. Bên Nợ TK 911: 2.165.000.000

ANSWER: A

Câu 13c-CLO2-[lần 1]

Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.100.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 515.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.250.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán 40.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 320.000.000 đồng**
- + **Lãi vay phải trả: 15.000.000 đồng**
- + **Chi bồi thường cho khách hàng vi phạm hợp đồng: 50.000.000 đồng**
- + **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

Bút toán khóa sổ tài khoản “xác định kết quả kinh doanh” sẽ làm phát sinh:

- A. Bên Nợ TK 421: 60.000.000
- B. Bên Nợ TK 421: 135.000.000
- C. Bên Có TK 421: 210.000.000
- D. Bên Có TK 421: 115.000.000

ANSWER: A

Câu 14 (random 1 trong 3 câu)

Câu 14a-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “Đầu tháng 10/N, công ty ABC chuyển khoản thanh toán toàn bộ khóa học anh văn cho nhân viên bộ phận bán hàng trong 3 tháng từ tháng 10/N đến hết tháng 12/N” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 242/Có TK 112

- B. Nợ TK 641/Có TK 112
- C. Nợ TK 642/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 14b-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “*Tháng 10/N, công ty ABC chuyển khoản thanh toán học phí học anh văn của tháng 10/N cho nhân viên bộ phận bán hàng*” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 112
- B. Nợ TK 242/Có TK 112
- C. Nợ TK 642/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

Câu 14c-CLO2-[lần 1]

Nghiệp vụ “*Đầu tháng 11/N, công ty đào tạo Anh ngữ ABC nhận chuyển khoản toàn bộ học phí của khóa học anh văn cung cấp cho khách hàng trong 3 tháng từ tháng 11/N đến hết tháng 1/N+1*” được ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 3387
- B. Nợ TK 112/Có TK 515
- C. Nợ TK 112/Có TK 511
- D. Nợ TK 112/Có TK 711

ANSWER: A

Câu 15 (random 1 trong 3 câu)

Câu 15a-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 10/N, công ty có 300 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 150 sản phẩm, đơn giá 160.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty xuất kho bán 350 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là:

- A. 53.000.000 đồng

- B. 51.400.000 đồng
- C. 62.000.000 đồng
- D. 55.400.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15b-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 10/N, công ty có 250 sản phẩm với đơn giá 160.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 120 sản phẩm, đơn giá 170.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty xuất kho bán 350 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là:

- A. 57.000.000 đồng
- B. 57.500.000 đồng
- C. 65.000.000 đồng
- D. 72.400.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15c-CLO2-[lần 1]

Công ty ABC thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 10/N, công ty có 250 sản phẩm với đơn giá 120.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/10/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 150 sản phẩm, đơn giá 125.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/10, công ty xuất kho bán 320 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 210.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/10/N là:

- A. 38.750.000 đồng
- B. 39.500.000 đồng
- C. 41.100.000 đồng
- D. 36.400.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (4.0 điểm)

Câu TL-CLO3 - [lần 1] Random 1 trong 2 câu

Câu TL1-CLO3 – [lần 1]

Công ty TNHH ABC bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/N, chuyên phân phối máy lạnh và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng. Một số tài liệu phát sinh tại công ty như sau:

Tài liệu 1: Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 30/11/N (đơn vị tính: đồng)

- Hàng hóa: 360.000.000
- Tài sản cố định hữu hình: 720.000.000
- Các tài khoản khác đều có số dư hợp lý.

Thông tin chi tiết bổ sung:

- Lô hàng hóa hiện có trong kho bao gồm 30 cái máy lạnh với đơn giá gốc 12.000.000 đồng/cái
- Tài sản cố định là một xe tải dùng giao hàng có thời gian sử dụng ước tính 10 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 01/02/N.

Tài liệu 2: Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: tháng
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn.

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:

- (1) Ngày 1, nhận trước tiền cho thuê văn phòng của 6 tháng (hợp đồng thuê từ ngày 01/12/N đến 31/05/N+1) bằng chuyển khoản, tổng số tiền nhận trước 240.000.000 đồng.
- (2) Ngày 10, chuyển khoản mua 20 cái máy lạnh nhập kho với đơn giá mua 11.500.000 đồng/cái.
- (3) Ngày 15, bán 15 cái máy lạnh cho khách hàng X với giá bán 17.000.000 đồng/cái, chưa thu tiền.
- (4) Ngày 30, chuyển khoản thanh toán lương tháng 12/N cho người lao động, trong đó bao gồm:
 - Lương nhân viên bán hàng: 55.000.000 đồng
 - Lương phòng ban quản lý doanh nghiệp: 82.000.000 đồng.

Thực hiện các yêu cầu sau:

- (i) Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 12/N (2,0 điểm)***
- (ii) Thực hiện các bút toán điều chỉnh cần thiết tại ngày 31/12/N (0,8 điểm)***
- (iii) Thực hiện các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời tại ngày 31/12/N (1,2 điểm)***

Câu TL2-CLO3 – [lần 1]

Công ty TNHH ABC bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 01/01/N, chuyên phân phối sản phẩm máy in sử dụng cho văn phòng. Một số tài liệu phát sinh tại công ty như sau:

Tài liệu 1: Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 30/06/N (đơn vị tính: đồng)

- Hàng hóa: 180.000.000
- Tài sản cố định hữu hình: 960.000.000
- Các tài khoản khác đều có số dư hợp lý.

Thông tin chi tiết bổ sung:

- Lô hàng hóa hiện có trong kho bao gồm 30 cái máy in với đơn giá gốc 6.000.000 đồng/cái
- Tài sản cố định là một xe ô tô du lịch dùng cho Ban Giám Đốc có thời gian sử dụng ước tính 10 năm, bắt đầu sử dụng từ ngày 01/05/N.

Tài liệu 2: Một số chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- Kỳ kế toán: tháng
- Kế toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên, xác định giá trị hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 7 năm N như sau:

- (1) Ngày 1, chuyển khoản 12.000.000 đồng thanh toán tiền mua bảo hiểm cháy nổ văn phòng công ty, thời gian hợp đồng bảo hiểm từ ngày 01/7/N đến ngày 30/06/N+1.
- (2) Ngày 10, mua 20 cái máy in nhập kho với đơn giá mua 6.200.000 đồng/cái, chưa thanh toán tiền cho người bán.
- (3) Ngày 15, bán 35 cái máy in cho khách hàng X với giá bán 12.000.000 đồng/cái, đã nhận được tiền thanh toán bằng chuyển khoản.
- (4) Ngày 30, kế toán tổng hợp tiền lương tháng 7/N của người lao động, trong đó bao gồm:
 - Lương nhân viên bán hàng: 50.000.000 đồng
 - Lương phòng ban quản lý doanh nghiệp: 75.000.000 đồng.

Tiền lương sẽ được chuyển khoản cho người lao động vào ngày 05/8/N.

Thực hiện các yêu cầu sau:

- (i) Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 07/N (2,0 điểm)**

(ii) Thực hiện các bút toán điều chỉnh cần thiết tại ngày 31/07/N (0,8 điểm)

(iii) Thực hiện các bút toán khóa sổ tài khoản tạm thời tại ngày 31/07/N (1,2 điểm)

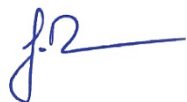
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		6.0	
Câu 1 đến câu 15	Đáp án A	0.4 điểm/câu	
III. Tự luận (Random 1 trong 2 câu)		4.0	

Câu TL1	Yêu cầu (i):		
	(1) Nợ TK 112 240.000.000		
	Có TK 3387 240.000.000	0.4	
	(2) Nợ TK 156 230.000.000		
	Có TK 112 230.000.000	0.4	
	(3) Nợ TK 632 177.000.000		
	Có TK 156 177.000.000	0.4	
	Nợ TK 131 255.000.000		
	Có TK 511 255.000.000	0.4	
	(4) Nợ TK 641 55.000.000		
	Nợ TK 642 82.000.000	0.4	
	Có TK 112 137.000.000		
	Yêu cầu (ii):		
	(1) Nợ TK 641 6.000.000	0.4	
	Có TK 214 6.000.000		
	(2) Nợ TK 3387 40.000.000		
	Có TK 511 40.000.000	0.4	
	Yêu cầu (iii):		
	(1) Nợ TK 511 295.000.000	0.4	
	Có TK 911 295.000.000		
	(2) Nợ TK 911 320.000.000		
	Có TK 632 177.000.000	0.4	
	Có TK 641 61.000.000		
	Có TK 642 82.000.000		
	(3) Nợ TK 421 25.000.000		
	Có TK 911 25.000.000	0.4	

Câu TL 2	(1) Nợ TK 242 12.000.000	0.4	
	Có TK 112 12.000.000		
	(2) Nợ TK 156 124.000.000	0.4	
	Có TK 331 124.000.000		
	(3) Nợ TK 632 211.000.000		
	Có TK 156 211.000.000	0.4	
	Nợ TK 112 420.000.000		
	Có TK 511 420.000.000	0.4	
	(4) Nợ TK 641 50.000.000		
	Nợ TK 642 75.000.000	0.4	
	Có TK 334 125.000.000		
	Yêu cầu (ii):		
	(1) Nợ TK 642 8.000.000		
	Có TK 214 8.000.000	0.4	
	(2) Nợ TK 642 1.000.000		
	Có TK 242 1.000.000	0.4	
	Yêu cầu (iii):		
	(1) Nợ TK 511 420.000.000	0.4	
	Có TK 911 420.000.000		
	(2) Nợ TK 911 345.000.000	0.4	
	Có TK 632 211.000.000		
	Có TK 641 50.000.000		
	Có TK 642 84.000.000		
	(3) Nợ TK 911 75.000.000	0.4	
	Có TK 421 75.000.000		
	Điểm tổng	10.0	

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

ThS. Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



Tạ Duy Khánh

ThS. Tạ Duy Khánh/ ThS. Lê Ngọc Anh